

Số: /BC-UBND

Diễn Châu, ngày tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 29/10/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Kế hoạch số 68/KH/TU ngày 13/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
Căn cứ Công văn số 2395-CV/ĐU ngày 14/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Công văn số 8915/UBND-VX ngày 20/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 29/10/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Thực hiện các văn bản chỉ đạo nêu trên, Ủy ban nhân dân xã Diễn Châu báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 29/10/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tình hình chung

Xã Diễn Châu là đơn vị hành chính cơ sở đang trong quá trình củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước theo yêu cầu đổi mới của giai đoạn hiện nay. Trong thời gian qua, cấp ủy, chính quyền địa phương luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên địa bàn xã, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và phục vụ người dân từng bước được quan tâm triển khai. Một số lĩnh vực như cải cách hành chính, quản lý văn bản, giải quyết thủ tục hành chính, tuyên truyền trên môi trường số, quảng bá sản phẩm địa phương, truy xuất nguồn gốc hàng hóa, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp đã có chuyển biến nhất định.

2. Thuận lợi

- Nghị quyết số 17-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xác định rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi

mới sáng tạo đến năm 2030, tạo cơ sở chính trị quan trọng để địa phương triển khai thực hiện.

- Cấp ủy, chính quyền xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản có tinh thần trách nhiệm, từng bước tiếp cận với yêu cầu chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ.

- Người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn ngày càng quan tâm hơn đến ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng nền tảng số trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

- Hạ tầng viễn thông, internet, thiết bị công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, cải cách hành chính, quản lý dữ liệu và cung cấp dịch vụ công.

3. Khó khăn

- Nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở cấp xã còn hạn chế; kinh phí bố trí chủ yếu phục vụ các nhiệm vụ thường xuyên, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đồng bộ.

- Trình độ ứng dụng công nghệ số của một bộ phận cán bộ, người dân chưa đồng đều; kỹ năng sử dụng nền tảng số, khai thác dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin còn cần tiếp tục nâng cao.

- Việc hình thành các mô hình đổi mới sáng tạo, liên kết nghiên cứu, chuyển giao công nghệ giữa nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn còn ít; hiệu quả nhân rộng mô hình chưa thật sự rõ nét.

- Một số chỉ tiêu của Nghị quyết số 17-NQ/TU là chỉ tiêu ở tầm tỉnh hoặc cần hệ thống dữ liệu thống kê chuyên sâu, nên cấp xã còn gặp khó khăn trong việc theo dõi, lượng hóa đầy đủ.

II. KẾT QUẢ QUẢN TRIỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền

1.1. Tình hình quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU

Sau khi Nghị quyết số 17-NQ/TU được ban hành, UBND xã đã phối hợp với các bộ phận liên quan tham mưu cấp ủy, chính quyền tổ chức quán triệt nội dung nghị quyết gắn với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nội dung tuyên truyền được lồng ghép trong các hội nghị giao ban, sinh hoạt chuyên đề, hội nghị cán bộ, công chức, hội nghị phổ biến pháp luật và thông qua hệ thống thông tin cơ sở, các nhóm truyền thông số của địa phương.

Công tác tuyên truyền tập trung làm rõ vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển sản xuất, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

1.2. Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, UBND xã đã ban hành hoặc tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách hành chính, số hóa hồ sơ, sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đẩy mạnh tuyên truyền và hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ số.

Đồng thời, UBND xã phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận chuyên môn gắn với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong từng lĩnh vực phụ trách, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, văn hóa - xã hội, cải cách hành chính và chuyển đổi số.

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU

UBND xã thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; lồng ghép kiểm tra trong công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính. Qua kiểm tra cho thấy nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng lên; tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục chấn chỉnh, khắc phục.

2. Đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU

2.1. Kết quả công tác lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy xã, UBND xã đã chủ động cụ thể hóa các chủ trương, định hướng lớn của tỉnh, của cấp trên thành các nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Công tác quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước được quan tâm, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền số, cải cách hành chính và phục vụ người dân.

Việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, chữ ký số, thư công vụ, hệ thống một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến và nền tảng số trong điều hành đã góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc, giảm thời gian luân chuyển hồ sơ, tăng tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

2.2. Đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết số 17-NQ/TU đến thời điểm đánh giá

Đối chiếu với mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 17-NQ/TU, UBND xã nhận thấy một số nội dung thuộc phạm vi cấp xã đã được quan tâm triển khai và bước đầu đạt kết quả tích cực, nhất là trong tuyên truyền nâng cao nhận thức, ứng

dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý nhà nước, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Một số mục tiêu mang tính định lượng cao, liên quan đến quy mô đầu tư, doanh nghiệp khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ, liên kết nghiên cứu, chuyển giao công nghệ chuyên sâu hiện chưa có điều kiện để đánh giá đầy đủ ở phạm vi cấp xã hoặc cần tiếp tục cập nhật theo số liệu của cơ quan chuyên môn cấp trên. Tuy nhiên, xét về xu hướng chung, địa phương đang từng bước bám sát định hướng của Nghị quyết, tạo nền tảng để phấn đấu thực hiện tốt hơn trong giai đoạn tiếp theo.

2.3. Kết quả nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

2.3.1. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

UBND xã quan tâm cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số, an toàn thông tin, sử dụng phần mềm dùng chung, cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ. Qua đó, năng lực ứng dụng công nghệ số của đội ngũ cán bộ từng bước được nâng lên.

Đối với người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và cơ sở sản xuất, địa phương phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn tiếp cận các nền tảng số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, truy xuất nguồn gốc và ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất, kinh doanh.

2.3.2. Huy động nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn chủ yếu được lồng ghép từ ngân sách nhà nước, các chương trình, đề án, kế hoạch về cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới và các nguồn lực hợp pháp khác. Mặc dù kinh phí còn hạn chế nhưng địa phương đã ưu tiên bố trí trong khả năng để duy trì hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin, hỗ trợ số hóa, cập nhật dữ liệu, phục vụ điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

2.3.3. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hạ tầng công nghệ thông tin tại UBND xã tiếp tục được duy trì, phục vụ cơ bản cho công tác chuyên môn; hệ thống mạng nội bộ, kết nối internet, máy tính làm việc, thiết bị phục vụ họp trực tuyến, xử lý văn bản điện tử được khai thác tương đối hiệu quả. Một số nền tảng số dùng chung của cấp trên được sử dụng thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng quản trị và điều hành ở cơ sở.

2.4. Kết quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo có trọng tâm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững

2.4.1. Khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp

Địa phương từng bước khuyến khích người dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, nhất là trong lựa chọn giống, phòng trừ dịch bệnh, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật an toàn, tiết kiệm nước, cơ giới hóa một số khâu sản xuất và áp dụng quy trình sản xuất phù hợp. Một số mô hình sản xuất đã quan tâm đến chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và gắn với tiêu thụ sản phẩm.

2.4.2. Khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ trên địa bàn từng bước ứng dụng máy móc, thiết bị, công cụ số và các nền tảng trực tuyến trong quảng bá sản phẩm, kết nối khách hàng, bán hàng và thanh toán. Tuy quy mô còn nhỏ nhưng đã góp phần thay đổi nhận thức, cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.4.3. Khoa học xã hội và nhân văn

Việc ứng dụng công nghệ số trong công tác thông tin, tuyên truyền, lưu trữ tài liệu, quảng bá giá trị văn hóa địa phương, chia sẻ thông tin tới người dân được quan tâm hơn. Công tác truyền thông chính sách, xây dựng đời sống văn hóa và bảo tồn giá trị truyền thống từng bước gắn với nền tảng số, mạng xã hội và các hình thức thông tin hiện đại.

2.4.4. Khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số

Đây là lĩnh vực được địa phương xác định là trọng tâm trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU. UBND xã đã tập trung triển khai các nhiệm vụ như sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, chữ ký số, hộp thư công vụ, một cửa điện tử, số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử, tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng thiết yếu.

Việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý hành chính góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí thời gian, tăng tính công khai, minh bạch và từng bước hình thành phương thức làm việc số trong cơ quan nhà nước ở cấp xã. Bên cạnh đó, địa phương quan tâm tuyên truyền về thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng tài khoản định danh điện tử, khai thác thông tin trên môi trường mạng an toàn, hiệu quả.

2.4.5. Khoa học và công nghệ phục vụ y dược

Trong phạm vi cấp xã, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ, thống kê, báo cáo và truyền thông về chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm từng bước được triển khai. Công tác phối hợp tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăm sóc sức khỏe cho người dân thông qua các nền tảng thông tin được duy trì.

2.4.6. Khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Địa phương chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, phân loại rác thải, sử dụng tài nguyên hiệu quả, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời quan tâm áp dụng một số giải pháp kỹ thuật phù hợp trong xử lý môi trường nông thôn, chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp.

2.4.7. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ kết nối liên vùng, liên ngành

UBND xã tích cực phối hợp với các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan trong triển khai tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn ứng dụng nền tảng số, kết nối tiêu thụ sản phẩm, quảng bá sản phẩm địa phương trên môi trường mạng. Hoạt động phối hợp bước đầu tạo điều kiện để chia sẻ kinh nghiệm, tiếp cận công nghệ và mở rộng liên kết trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.5. Kết quả phát triển thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Ở cấp xã, thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa hình thành rõ nét theo nghĩa đầy đủ; tuy nhiên, hoạt động mua sắm, ứng dụng thiết bị, tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, quảng bá sản phẩm trên nền tảng số, giới thiệu sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực của địa phương đã có chuyển biến tích cực. Nhận thức của người dân, cơ sở sản xuất về vai trò của khoa học công nghệ trong nâng cao chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm từng bước được nâng lên.

2.6. Kết quả công tác hợp tác, liên kết về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

UBND xã đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên, đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, tổ chức đoàn thể, cơ sở đào tạo, lực lượng hỗ trợ chuyển đổi số cộng đồng để triển khai một số nhiệm vụ tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số, hỗ trợ người dân và cơ sở sản xuất tiếp cận công nghệ. Tuy vậy, hoạt động hợp tác, liên kết chuyên sâu còn hạn chế, cần tiếp tục được quan tâm trong thời gian tới.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả nổi bật

- Nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước được nâng lên.

- Việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành của UBND xã có chuyển biến, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và phục vụ người dân tốt hơn.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, nền tảng số thiết yếu được duy trì.

- Một số mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, quảng bá tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số bước đầu đem lại hiệu quả thiết thực.

3.2. Mô hình hay, cách làm hiệu quả

- Lồng ghép nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số và xây dựng nông thôn mới.

- Phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thể chính trị - xã hội trong tuyên truyền, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng nền tảng số.

- Kết hợp hướng dẫn trực tiếp với tuyên truyền trên nhóm thông tin điện tử, mạng xã hội để nâng cao hiệu quả phổ biến chủ trương, chính sách và kỹ năng số.

3.3. Kinh nghiệm bước đầu

- Cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt của cấp ủy, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các bộ phận, đơn vị liên quan.

- Phải gắn nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo với yêu cầu thực tiễn của địa phương, lấy hiệu quả phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội làm thước đo.

- Muốn triển khai hiệu quả chuyển đổi số ở cấp xã cần chú trọng đồng thời ba yếu tố: nhận thức, hạ tầng và kỹ năng số.

4. Khó khăn, tồn tại, nguyên nhân; bài học kinh nghiệm

4.1. Khó khăn, tồn tại

- Nguồn kinh phí đầu tư còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai đồng bộ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Trình độ, kỹ năng số của một bộ phận cán bộ và người dân còn hạn chế; tâm lý e ngại thay đổi phương thức làm việc, giao dịch trên môi trường số vẫn còn.

- Dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung ở một số lĩnh vực chưa thật sự hoàn thiện; việc chia sẻ, khai thác dữ liệu có mặt còn khó khăn.

- Số lượng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ có tính đột phá, khả năng nhân rộng cao trên địa bàn còn ít.

4.2. Nguyên nhân của khó khăn, tồn tại

- Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn; nguồn lực dành cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế.

- Một số bộ phận chưa thật sự chủ động trong nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các giải pháp mới; việc theo dõi, đánh giá kết quả có nội dung còn chưa sâu.

- Công tác phối hợp giữa các chủ thể liên quan trong chuyển giao công nghệ, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và hỗ trợ đổi mới sáng tạo chưa thường xuyên, chưa chặt chẽ.

4.3. Bài học kinh nghiệm

- Phải đặt nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tổng thể nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Cần lựa chọn đúng trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các nhiệm vụ thiết thực, phù hợp điều kiện cấp xã, tránh dàn trải.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, đào tạo kỹ năng số cho cán bộ và người dân; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, công chức trong sử dụng công nghệ số.

- Chú trọng sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

5. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới

- Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 17-NQ/TU, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, người lao động và Nhân dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường vai trò quản lý nhà nước của UBND xã; kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của cấp trên thành kế hoạch, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng khai thác dữ liệu, sử dụng phần mềm dùng chung và bảo đảm an toàn thông tin.

- Huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin, từng bước hoàn thiện điều kiện triển khai chính quyền số ở cấp xã.

- Khuyến khích, hỗ trợ người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ số, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên môi trường mạng.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ, cơ sở đào tạo và các tổ chức liên quan để tranh thủ hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật, tập huấn, chuyển giao công nghệ.

- Quan tâm xây dựng, lựa chọn và nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

6. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị Đảng ủy xã tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số và cải cách hành chính của địa phương.

- Đề nghị cơ quan cấp trên tăng cường tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu, đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị và phần mềm dùng chung cho cấp xã.

- Đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực phù hợp cho các nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở cơ sở; có cơ chế khuyến khích mô hình hiệu quả để nhân rộng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã
- Lưu: VT.VHXX (Thanh)

**T.M UÝ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Hồng Thanh

PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

PHỤ LỤC 1. Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU

TT	Cơ quan ban hành	Tên đầy đủ của văn bản	Ngày có hiệu lực
1	Đảng ủy xã Diên Châu	Kế hoạch số 75-KH/ĐU, ngày 14/7/2026 về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030	7/2026
2	UBND xã Diên Châu	Kế hoạch số 02/KH-UBND, ngày 06/1/2026: KH chuyển đổi số xã Diên Châu năm 2025	2026
3	UBND xã Diên Châu	Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/01/2026 thực hiện Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 năm 2026	2026
4	UBND xã Diên Châu	Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 23/4/2026 Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Diên Châu	2026
5	UBND xã Diên Châu	Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước xã Diên Châu năm 2026; Kế hoạch số 06/QĐ-UBND ngày 08/01/2026 về Kế hoạch kiểm tra CCHC nhà nước xã Diên Châu năm 2026 ; Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 23/4/2026 Triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 19/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn xã Diên Châu	2026
6	UBND xã Diên Châu	Các văn bản triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ	2026

PHỤ LỤC 2. Các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ tiêu biểu

TT	Tên mô hình	Lĩnh vực	Công nghệ áp dụng	Quy mô thực hiện	Hiệu quả mang lại
1	Chính quyền số tại UBND xã	Quản lý nhà nước	Phần mềm quản lý văn bản, chữ ký số, họp trực tuyến	Toàn xã	100% văn bản điện tử được ký số, nâng cao hiệu quả điều hành

2	Số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	Cải cách hành chính	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	TT PV HCC	100% hồ sơ tiếp nhận được số hóa
3	Ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Đề án 06	CSDL quốc gia về dân cư, VNeID	Toàn xã	Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính
4	Cổng thông tin điện tử xã	Thông tin tuyên truyền	Website, Internet	Toàn xã	Công khai thông tin, tăng khả năng tiếp cận của người dân
5	Thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết TTHC	Chuyển đổi số	QR Code, ngân hàng điện tử	TT PVHCC	Tăng tỷ lệ thanh toán điện tử

PHỤ LỤC 3. Kết quả phối hợp, liên kết "Nhà nước - Nhà trường – Doanh nghiệp - Người dân"

TT	Đơn vị phối hợp	Nội dung phối hợp	Kết quả đạt được	Khó khăn
1	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An	Triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ	Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch tỉnh	Nguồn kinh phí còn hạn chế
2	VNPT Nghệ An	Hỗ trợ hạ tầng số, chuyển đổi số	Đảm bảo hạ tầng mạng và phần mềm dùng chung	Một số thiết bị còn cũ
3	Viettel Nghệ An	Triển khai dịch vụ số, chữ ký số, Internet	Đảm bảo kết nối phục vụ chính quyền số	Cần nâng cấp đường truyền ở một số vị trí
4	Các trường học trên địa bàn	Tuyên truyền kỹ năng số	Nâng cao nhận thức cho giáo viên, học sinh	Chưa có nhiều hoạt động trải nghiệm
5	Tổ công nghệ số cộng đồng	Hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến	Một bộ phận người dân lớn tuổi còn hạn chế kỹ năng số

PHỤ LỤC 4. Hoạt động tập huấn, chuyển giao kỹ thuật

TT	Nội dung tập huấn	Đơn vị thực hiện	Số người tham gia	Kết quả ứng dụng thực tế
----	-------------------	------------------	-------------------	--------------------------

1	Tập huấn chuyển đổi số	Sở KH&CN, Sở TT&TT (nay là Sở KH,CN&ĐMST)	Cán bộ, công chức xã	Áp dụng trong thực hiện nhiệm vụ
2	Đào tạo sử dụng chữ ký số, phần mềm quản lý văn bản	VNPT, Viettel	100% CBCC	Thực hiện ký số văn bản điện tử
3	Tập huấn Đề án 06	Công an tỉnh, Công an xã	CBCC và thành viên Tổ công nghệ số	Ứng dụng CSDL dân cư trong giải quyết TTHC
4	Hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến	UBND xã	Người dân đến giao dịch	Tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến

PHỤ LỤC 5. Sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực ứng dụng khoa học công nghệ

TT	Tên sản phẩm	Công nghệ áp dụng	Hình thức truy xuất nguồn gốc	Thị trường tiêu thụ	Hiệu quả kinh tế
1	Nước mắm hạ thổ	Kết hợp kỹ thuật truyền thống với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm HACCP, ISO 22000 và thiết bị chiết rót hiện đại	Truy xuất QR; Tem OCOP, nhãn sản phẩm	Nghệ An và các tỉnh	Nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường, tăng thu nhập cho cơ sở sản xuất. Góp phần giữ gìn nghề truyền thống
2	Tôm nõn Diễn Châu	Quy trình chế biến truyền thống kết hợp sử dụng thiết bị sấy nhiệt; đóng gói hút chân không	Tem OCOP, nhãn sản phẩm	Thị trường trong và ngoài tỉnh	Góp phần giữ gìn nghề truyền thống, nâng cao giá trị sản phẩm địa phương
3	Mì rau củ ANPASO (cải bó xôi, lúa mạch, củ nghệ, củ cải đỏ và củ dền, củ nghệ)	sản xuất theo quy trình khép kín, ứng dụng công nghệ sấy khô không chiên qua dầu kết hợp sử dụng nguyên liệu rau củ tự nhiên	Tem OCOP, nhãn sản phẩm, Truy xuất QR	Tiêu thụ trong và ngoài tỉnh. Cung ứng siêu thị	Nâng cao chất lượng, thu nhập cho người sản xuất
4	Nước mắm Bà Vinh	Quy trình sản xuất truyền thống kết hợp cải tiến khâu bảo quản và đóng gói	Tem OCOP, nhãn sản phẩm	Tiêu thụ trong và ngoài tỉnh	Nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định đầu ra. Góp phần giữ gìn nghề truyền thống

5	Hoa Lạc Sen thất Diễn Hoa	Quy trình canh tác truyền thống, sản xuất an toàn và công nghệ sơ chế, bảo quản sau thu hoạch	Tem OCOP, nhãn sản phẩm	Thị trường trong tỉnh và khách du lịch	Góp phần phát triển sản phẩm đặc trưng địa phương, tạo việc làm và tăng thu nhập
---	------------------------------	---	-------------------------------	---	---

PHỤ LỤC 6. Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

TT	Nội dung ứng dụng	Kết quả năm 2025	Kết quả 6 tháng đầu năm 2026	Ghi chú
1	Quản lý dữ liệu mô hình khoa học và công nghệ	Quản lý bằng hồ sơ điện tử	Tiếp tục cập nhật trên môi trường số	Thường xuyên
2	Quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm	Đăng tải thông tin trên Cổng TTĐT và mạng xã hội	Tiếp tục duy trì	Theo điều kiện thực tế
3	Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trực tuyến	Đã thực hiện qua Zoom, Teams và hệ thống họp trực tuyến của tỉnh	Tiếp tục thực hiện	Phục vụ hội nghị, tập huấn